

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NGÃ BẢY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/LĐ -ST

Ngày: 26-8-2024.

V/v: “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY - TỈNH HẬU GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vũ Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phong Vũ

2. Ông Lữ Văn Công

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy tham gia phiên tòa:
Ông Võ Hoài Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 01/2024/TLST- LĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Văn Y, sinh năm: 1976 (Có mặt).

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Cơ sở cai nghiện ma túy C.

Trú tại: khu vực X, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H– Chức vụ: Giám đốc.

- Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Dương Quốc A, sinh năm: 1982; Chức vụ: Trưởng phòng (Có mặt).

Trú tại: Ấp L, xã L, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/12/2023 và quá trình tố tụng ông Lê Văn Y trình bày: Ông Y là nhân viên của Cơ sở cai nghiện ma túy C (gọi tắt là Cơ sở cai nghiện) ông có ký hợp đồng lao động lần đầu vào năm 2001 đến ngày

10/8/2018 ông ký tái tục hợp đồng với Cơ sở cai nghiện theo hợp đồng số 32/HĐLĐ, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Đến ngày 30/6/2020 ông và Cơ sở cai nghiện ký phụ lục hợp đồng để thay đổi công việc. Đến ngày 26/02/2021 Cơ sở cai nghiện ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động theo quyết định số 114/QĐ-CSCN ngày 13/4/2021 và ông khởi kiện lần đầu: tại Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang theo bản án số 01/2021/LĐ-ST, ngày 27/12/2021 nhưng sau đó Cơ sở cai nghiện kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm theo bản án số 02/2022/PT-LĐ, ngày 19/4/2022 các vấn đề giải quyết: Huỷ quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 114 ngày 13/4/2021; Buộc Cơ sở cai nghiện nhận ông Y lại làm việc theo hợp đồng đã giao kết và chi đóng các bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày ông không làm việc từ ngày 14/4/2021 đến ngày 27/12/2021; Buộc Cơ sở cai nghiện thanh toán cho ông các khoản tiền là 02 tháng tiền lương theo hợp đồng với số tiền là 13.548.000^d; Thanh toán tiền lương từ ngày 14/4/2021 đến 27/12/2021 là 08 tháng 09 ngày với số tiền là 56.963.000^d, Buộc trợ cấp thất nghiệp 02 tháng với số tiền là 16.270.800^d. Sau khi bản án số: 02/2022/LĐ-PT, ngày 19/4/2022 có hiệu lực pháp luật và Cơ sở cai nghiện tiếp nhận ông Lê Văn Y làm việc và thực hiện nghĩa vụ theo bản án đã tuyên theo Quyết định thi hành án số 399/QĐ-CCTHADS, ngày 08/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Tháng 6/2022 Cơ sở cai nghiện thông báo ông Y đến Cơ sở cai nghiện làm việc nhưng ông Y không đến. Theo các thông báo giấy mời ngày 18/5/2022 tiếp nhận công việc vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 24/5/2022 với nội dung bàn về việc thực hiện đối với bản án 02/2022/LĐ-PT ngày 19/4/2022. Phân công công việc khác điều chuyển ông đến tại số 122/3, đường N, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ để quản lý kho nhưng ông không đồng ý. Các ngày làm việc tiếp theo ngày 13/6/2022 và ngày 16/6/2022 với nội dung làm việc chủ yếu điều chuyển công tác tiếp nhận theo địa chỉ như trên nên ông vẫn không đồng ý. Ngày 23/8/2022 Cơ sở cai nghiện ma túy ban hành Quyết định số: 160/QĐ-CSCN về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Y. Ông không đồng ý và khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 160/QĐ-CSCN, ngày 23/8/2022 của Cơ sở cai nghiện. Lần hai tại cấp sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy xét xử theo bản án số 01/2023/LĐ-ST, ngày 15/6/2023 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y hủy quyết định trên. Ngày 21/6/2023 ông Y có đơn kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm theo Bản án số: 01/2023/LĐ-PT, ngày 26/10/2023 không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2023.

Nay ông Y khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy giải

quyết gồm: Buộc Cơ sở cai nghiện phải trả lương từ ngày 28/12/2021 đến ngày 23/08/2022 là 7 tháng 25 ngày với số tiền là: 7 tháng 25 ngày x 271.000^d = 63.685.000^d (Sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Và chi đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế từ ngày 28/12/2021 đến ngày 23/08/2022; Buộc cơ sở cai nghiện phải trả các chế độ theo hợp đồng lao động cụ thể là: 11 ngày phép còn lại của năm 2021 số tiền là: 11 ngày x 261.000^d = 2.871.000^d (Hai triệu tám trăm bảy mươi một ngàn đồng); Năm 2022 là 12 ngày x 271.000^d = 3.252.000^d (Ba triệu hai trăm năm mươi hai ngàn đồng). Tại phiên tòa ông Y rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu giải quyết đối với số tiền các ngày phép của năm 2021 và năm 2022.

Trong quá trình tố tụng bị đơn Cơ sở cai nghiện ma túy C đại diện theo ủy quyền ông Dương Quốc A trình bày: Cơ sở cai nghiện thống nhất về thời hạn ký kết hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Quá trình thực hiện theo Bản án số 02/2022/LĐ-PT của Tòa án tỉnh Hậu Giang và quyết định Thi hành án số 399 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy Cơ sở đã thực hiện xong và việc chi đóng các bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp từ ngày 14/4/2021 đến 27/12/2021 với số tiền là 70.5111.000^d, việc tiếp nhận ông Y trở lại làm việc theo hợp đồng đã giao kết Cơ sở cai nghiện đã thực hiện theo bản án nhưng ông Y không đồng ý với lý do ông yêu cầu làm việc tại số 719 Khu vực Xẻo Vông C, phường Hiệp Lợi, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, Cơ sở cai nghiện không đáp ứng được do đã có đủ 60 người làm việc theo thông báo của Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ số 4081 ngày 28/12/2021 và biên chế công chức và chỉ tiêu hợp đồng công việc theo nghị định số 68/2000, đối với Sở Lao động Thương Binh xã hội và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động thương binh xã hội nhưng Cơ sở cai nghiện đã chủ động thực hiện theo bản án và bố trí ông Y làm việc tại số 122/3, đường N, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ với mức lương hiện hữu và hợp đồng không xác định thời hạn như trước khi ông Y chấm dứt hợp đồng lao động. Qua quá trình làm việc nhiều lần theo các ngày 24/5/2022, ngày 13/6/2022, ngày 16/6/2022, ngày 30/6/2022 và ngày 01/8/2022 nhưng ông Y không đồng ý với nội dung phân công tại địa chỉ số 122/3, đường N, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ nên bỏ về không nhận nhiệm vụ. Cơ sở cai nghiện có chủ động xây dựng bảng lương tháng 6/2022 khi nào ông Y đến làm việc sẽ chi trả cho ông Y nhưng ông Y không làm việc nên đơn vị không có căn cứ để chi trả. Đến ngày 29/7/2022 Cơ sở cai nghiện phát hành thông báo người lao động trở lại làm việc vào ngày 01/8/2022, ngày 01/8/2022 ông Y có đến trình diện và thông báo ngày 02/8/2022 vào nhận nhiệm vụ do lãnh đạo phân công nhưng ông Y bỏ về và từ ngày 03/8/2022 đến 22/8/2022 ông Y không vào Cơ sở để

làm việc theo hợp đồng lao động đã ký kết và không có lý do chính đáng. Đến ngày 23/8/2022 đơn vị ban hành Quyết định số 160/QĐ-CSCN về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Y (kể từ ngày 23/8/2022). Đối với việc ra quyết định chấm dứt hợp đồng trên là đúng theo Bản án phúc thẩm số 01/2023 ngày 26/10/2023.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Y Cơ sở cai nghiện không thống nhất với lý do.

Thứ nhất: Theo Điều 1, Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 05/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy về giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn Y, về việc thực hiện Bản án số 02/2022/LĐ-PT, có nội dung “Cơ sở cai nghiện ma túy T đã thi hành xong hoàn toàn nghĩa vụ”... Đồng thời Cơ sở nhiều lần thông báo, yêu cầu ông Y trở lại làm việc nhưng ông Y không đồng ý và không vào Cơ sở làm việc.

Theo hợp đồng lao động số 32/HĐLĐ ngày 10/8/2018 giữa Cơ sở và ông Y, ông Y có nghĩa vụ “hoàn thành những cam kết trong hợp đồng lao động, chấp hành lệnh điều hành của Lãnh đạo đơn vị...”, người sử dụng lao động có quyền “Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...)”. Theo thoả thuận trong hợp đồng sau khi tiếp nhận ông Y trở lại làm việc lại, Cơ sở có quyền bố trí, điều động ông Y làm việc và ông Y phải có nghĩa vụ chấp hành.

Theo Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ Luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động. Tiền lương được trả cho người lao động căn cứ vào thời gian làm việc thực tế. Cơ sở đã nhiều lần thông báo, yêu cầu, tạo điều kiện để ông Y trở lại làm việc nhưng ông Y không trở lại làm việc nên Cơ sở không có căn cứ chi trả lương và đóng bảo hiểm xã hội theo yêu cầu của ông Y.

Thứ hai: theo đơn khiếu nại của ông Lê Văn Y đề ngày 11 tháng 10 năm 2022, trong đơn ông Y yêu cầu “...Cơ sở cai nghiện ma túy T phải thực hiện trả tiền lương, chuyển khoản cho ông Y kể từ ngày 08/6/2022 cho đến nay theo đúng quy định của hợp đồng lao động giữa Cơ sở Cai nghiện và ông Y đã ký kết”. Qua đó chứng minh ông Y đã phát hiện ra hành vi mà ông Y cho rằng hành vi quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm, kể từ ngày 11/10/2022. Theo Khoản 03, Điều 190, Bộ luật lao động 2019 thì tranh chấp liên quan đến tiền lương, chấm dứt hợp đồng lao động của ông Y đến thời điểm hiện tại đã hết thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với thanh toán tiền nghỉ phép năm 2021 Cơ sở đã thực hiện xong căn cứ vào quyết định số 07/QĐ-CSCN ngày 18/01/2022 với số tiền là 422.618 đồng thì Cơ sở cai nghiện đã thực hiện xong. Đối với số tiền nghỉ phép năm 2022 thì ông Y

không có vào làm việc nên Cơ sở không có căn cứ để chi trả số tiền trên.

Về trình tự thủ tục: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Y. Buộc Cơ sở cai nghiện phải trả lương từ ngày 28/12/2021 đến ngày 01/08/2022 là (07 tháng 05 ngày với số tổng tiền: 48.547.000^d (Bốn mươi tám triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) và phải truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với 11 ngày phép năm 2021 số tiền là 2.871.000^d và 12 ngày phép năm 2022 với số tiền là 3.252.000^d.

Về án phí: Cơ sở cai nghiện phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Bị đơn Cơ sở cai nghiện ma túy T có đăng ký thường trú tại Khu vực Xẻo Vông C, phường Hiệp Lợi, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy theo quy định tại khoản 1, Điều 32; điểm a, khoản 1, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2]. Về nội dung vụ án: Ông Y khởi kiện tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Cơ sở Cai nghiện có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của ông Y với lý do thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định tại khoản 3 Điều 190 Bộ luật lao động thì Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xem xét yêu cầu của Cơ sở cai nghiện trước và từ đó mới có căn cứ xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Y. Ngày 13/4/2021 Cơ sở cai nghiện ra Quyết định số 114/CMNT ngày 13/4/2021 chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Y. Ông Y khởi kiện lần đầu và theo Bản án sơ thẩm số 01/2021/LĐ-ST, ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y và hủy quyết định số 114/CMNT ngày 13/4/2021 của Cơ sở cai nghiện ma túy C; Buộc nhận ông Y lại làm việc và truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày ông Y không làm việc, Thanh toán 02 tháng tiền lương theo hợp đồng; Trả lương từ ngày 14/4/2021 đến ngày 27/12/2021. Cơ sở cai nghiện kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm theo Bản án số 02/2022/LĐ-PT, ngày 19/4/2022 không chấp nhận kháng cáo của Cơ sở

cai nghiệm và giữ nguyên bản án sơ thẩm 01/2021/LĐ-ST, ngày 27/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy. Sau khi Bản án số 02/2022/LĐ-PT, ngày 19/4/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang có hiệu lực pháp luật và Cơ sở cai nghiệm tiếp nhận ông Y làm việc và thực hiện nghĩa vụ theo bản án đã tuyên theo Quyết định thi hành án số: 399/QĐ-CCTHADS, ngày 08/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Ông Y không đến Cơ sở cai nghiệm ma túy T để làm việc theo các thông báo 24/5/2022, ngày 13/6/2022, ngày 16/6/2022, ngày 30/6/2022 và ngày 01/8/2022. Đến Ngày 23/8/2022 Cơ sở cai nghiệm ban hành Quyết định số: 160/QĐ-CSCN về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Y (kể từ ngày 23/8/2024). Ông Y tiếp tục khởi kiện lần 2 tại Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu hủy Quyết định số: 160/QĐ-CSCN, ngày 23/8/2022 của Cơ sở cai nghiệm. Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm lần hai theo bản án số 01/2023/LĐ-ST, ngày 15/6/2023 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y hủy quyết định trên. Ngày 21/6/2023 ông Y có đơn kháng cáo và Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm theo Bản án số 01/2023/LĐ-PT, ngày 26/10/2023 không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2023. Theo bản án phúc thẩm số 01/2023/LĐ-PT, ngày 26/10/2023 thì đến ngày 22/4/2024 ông Y khởi kiện lần ba tại Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Y trong khoảng thời gian từ ngày khởi kiện lần đầu theo bản án số 01/2021/LĐ-ST, ngày 27/12/2021 đến ngày bản án phúc thẩm số 01/2023/LĐ-PT, ngày 26/10/2023 sau cùng có hiệu lực. Từ ngày 26/10/2023 đến ngày 22/4/2024 ông Y khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn và yêu cầu phản bác của Cơ sở cai nghiệm yêu cầu áp dụng thời hiệu là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Ông Y khởi kiện yêu cầu: Buộc Cơ sở cai nghiệm ma túy T phải trả lương từ ngày 28/12/2021 đến ngày 23/08/2022 là 7 tháng 25 ngày với số tiền là 63.685.000^d (Sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế từ ngày 28/12/2021 đến ngày 23/08/2022. Buộc Cơ sở cai nghiệm ma túy T phải trả các chế độ theo hợp đồng lao động cụ thể là: 11 ngày phép của năm 2021 số tiền là: 2.871.000^d (Hai triệu tám trăm bảy mươi một ngàn đồng); Và 12 ngày phép của năm 2022 với số tiền là 3.252.000^d (Ba triệu hai trăm năm mươi hai ngàn đồng)

[3.1]. Ông Y là nhân viên của Cơ sở cai nghiệm ký hợp đồng lao động lần đầu vào năm 2001 đến ngày 26/02/2021 Cơ sở cai nghiệm ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động theo quyết định số: 114/QĐ-CSCN ngày 13/4/2021 và ông khởi kiện lần đầu đã được giải quyết sơ thẩm và phúc thẩm và sau khi có quyết định sơ thẩm và phúc thẩm thì ông Y vẫn tiếp tục khởi kiện và có quyết định sơ thẩm và

phúc thẩm và cơ quan đã làm thủ tục nhận lại và ông Y đã được nhận làm việc vào ngày 02/8/2022 tại điểm làm việc tại số 122/3, đường N, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ nhưng ông Y không đến làm việc và đến ngày 23/8/2022 Cơ sở cai nghiện ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động hợp pháp và có hiệu lực theo bản án Phúc thẩm số 01/2023/LĐ-PT, ngày 26/10/2023. Theo bản án sơ thẩm số 01/2021/LĐ-ST, ngày 27/8/2021 quá trình này ông Lê Văn Y yêu cầu Cơ sở cai nghiện ma túy trả một khoảng tiền từ ngày 14/4/2021 cho đến sơ thẩm ngày 27/8/2021 tức là từ ngày ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động không đúng quy định của pháp luật đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/12/2021 và thời gian từ 28/12/2021 đến ngày 23/8/2022 Tòa án không tuyên trong bản án khi chưa phát sinh quyền và nghĩa vụ (Tại phần 2.4 Bản án số 01/2023/LĐ-PT, ngày 26/10/2023, đối với lương và các chế độ khác (nếu có) dành quyền khởi kiện cho ông Y khi có tranh chấp). Nay ông Y khởi kiện các yêu cầu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, cần phải xem xét đến tính hợp pháp và các mục yêu cầu của ông Y trong đơn khởi kiện

[3.2]. Đối với yêu cầu về lương từ ngày 28/12/2021 đến ngày 23/08/2022: với số tiền là: 63.685.000^d (Sáu mươi ba triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Theo Thông báo số 871/TB-CSCN ngày 29 tháng 7 năm 2022 về việc tiếp nhận người lao động trở lại làm việc; biên bản tiếp nhận người lao động trở lại làm việc ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Cơ sở Cai nghiện đối với ông Y có nêu rõ công việc ông Y phải làm là theo hợp đồng số 32/HĐLĐ ký ngày 10/8/2018, yêu cầu ông Y có mặt lúc 7 giờ 30 phút ngày 02/8/2022 tại Cơ sở Cai nghiện, nhiệm vụ cụ thể do Trưởng phòng quản lý học viên thuộc Cơ sở Cai nghiện phân công, hoàn toàn không có bất cứ thông báo hay quyết định điều chuyển cho ông Y về địa chỉ 122/3 đường Nguyễn Thông làm việc. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện cho bị đơn xác định địa chỉ ông Y làm việc từ ngày 02/8/2022 vẫn ở tại Cơ sở Cai nghiện tại số 719, khu vực Xẻo Vông C, công việc tạm thời là theo dõi, giám sát camera tại Cơ sở Cai nghiện. Điều này cũng phù hợp với biên bản tiếp nhận ông Y ngày 02/8/2022 do chính ông Y cung cấp thể hiện công việc được phân công là trực giám sát, theo dõi camera mà chưa có thông báo hay quyết định điều chuyển ông Y về 122/3 đường Nguyễn Thông. Như vậy, ngày 02/8/2022, Cơ sở Cai nghiện giao công việc cho ông Y là hoàn phù hợp về thời gian, địa điểm trong hợp đồng lao động nên ông Y phải có mặt tại Cơ sở Cai nghiện để làm việc mà không cần phụ thuộc phải có quyết định phân công mới. Ông Y cho rằng ngày 02/8/2022, ông đợi khoảng 10 đến 15 phút không có quyết định phân công nên ông bỏ về nên đây là lỗi thuộc về ông Y. Theo Cơ sở cai nghiện trình bày từ ngày 03/8/2022 đến ngày 22/8/2022, ông Y không vô Cơ sở Cai nghiện làm việc là phù hợp với lời khai của

ông Y trong hồ sơ. Từ đó có căn cứ xác định từ ngày 02/8/2022 đến ngày 22/8/2022, ông Y không vào làm việc tại Cơ sở Cai nghiện như đã phân tích ở trên là vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 36 Bộ luật lao động năm 2019, vi phạm điểm a khoản 2 Điều 4 Nội quy lao động của Cơ sở (Ban hành kèm theo Quyết định số 141/QĐ- CNMT ngày 15/4/2021 của Cơ sở cai nghiện ma túy T) thuộc trường hợp “Người lao động tự ý bỏ việc mà không có lí do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên” (Theo bản án phúc thẩm số: 01/2023, ngày 26/10/2023 đã nhận định) từ nhận định trên đối với yêu cầu của ông Y buộc Cơ sở cai nghiện trả lương từ ngày 28/12/2021 đến ngày 23/08/2022 do một phần lỗi của ông Y nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu về tiền lương của ông Y từ ngày 28/12/2021 đến ngày 01/8/2022. Đối với hệ số lương mà ông được hưởng 271.000^d/01 ngày. Căn cứ bản án phúc thẩm số: 02/2022/LĐ-PT, ngày 19/4/2022 có hiệu lực và mức lương được tính như sau: 6.774.000đồng/tháng nên lương được tính như sau: Từ 28/12/2021 đến ngày 01/8/2022 là 07 tháng 05 ngày với số tiền: 48.956.000^d (Bốn mươi tám triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

[3.3]. Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp là khoảng tiền bắt buộc Cơ sở cai nghiện phải đóng kèm theo tiền lương mà ông Y được hưởng. Do yêu cầu về tiền lương được chấp nhận. Nên buộc Cơ sở cai nghiện phải chi đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông Y từ ngày 28/12/2021 đến ngày 01/8/2022.

[3.4]. Đối với thanh toán tiền nghỉ phép năm 2021 là 11 ngày phép với số tiền là: 2.871.000^d (Hai triệu tám trăm bảy mươi một ngàn đồng); và 12 ngày phép của năm 2022 với số tiền là 3.252.000^d (Ba triệu hai trăm năm mươi hai ngàn đồng) tại phiên tòa ông Y rút yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4]. Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Y là có căn cứ và cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Y. Buộc Cơ sở cai nghiện ma túy T thanh toán tiền lương cho ông Y từ ngày 28/12/2021 đến ngày 01/8/2022 là (07 tháng 05 ngày) với tổng số tiền: số tổng tiền: 48.547.000^d (Bốn mươi tám triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) và buộc Cơ sở cai nghiện phải chi đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông Y trong những ngày ông Y không làm việc từ ngày 28/12/2021 đến ngày 01/8/2022.

[5]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối 11 ngày phép năm 2021 số tiền là 2.871.000^d và 12 ngày phép năm 2022 với số tiền là 3.252.000^d.

[6]. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Lê Văn Y được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Buộc Cơ sở cai nghiện ma túy C phải chịu án phí theo quy định.

[7]. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, Điều 32; khoản 1, Điều 36; Khoản 1 Điều 39, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 39, Điều 41, Điều 93 và Điều 95 Bộ Luật lao động 2019.

Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Y. Buộc Cơ sở cai nghiện ma túy T thanh toán tiền lương cho ông Y từ ngày 28/12/2021 đến ngày 01/8/2022 là (07 tháng 05 ngày với tổng số tiền: 48.547.000^d (Bốn mươi tám triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

2. Buộc Cơ sở cai nghiện phải truy đóng các khoản tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông Y trong những ngày ông Y không làm việc từ ngày 28/12/2021 đến ngày 01/8/2022.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối 11 ngày phép năm 2021 số tiền là: 2.871.000^d (Hai triệu tám trăm bảy mươi một ngàn đồng) và 12 ngày phép năm 2022 với số tiền là: 3.252.000^d (Ba triệu hai trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Lê Văn Y được miễn án phí theo quy định của pháp luật

Cơ sở cai nghiện ma túy T phải chịu án phí 1.456.000^d (Một triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND Tp. Ngã Bảy;
- Chi cục THADS Tp. Ngã Bảy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký).

Lê Thị Vũ Tiên